

Số: **1248** TCT/DNK
V/v: ưu đãi miễn, giảm thuế
thu nhập doanh nghiệp

Hà Nội, ngày **28** tháng 04 năm 2005

Kính gửi: Công ty kế toán kiểm toán tư vấn Việt Nam
(Gi02, Toà nhà Maison de Thái Thịnh, 104 Thái Thịnh, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội)

Trả lời công văn số 09-04/AACC-HN ngày 28/12/2004 của Công ty hỏi về ưu đãi thuế TNDN và tính vào chi phí khoản tiền trả các cộng tác viên; về việc này Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1/ Về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Theo điểm 7, mục V, Danh mục A phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNDN thì: tư vấn pháp luật, đầu tư thuộc danh mục ngành nghề, lĩnh vực được ưu đãi đầu tư.

Tại điểm 1, điểm 2, mục II, phần E Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNDN quy định: "... Thuế suất thuế TNDN 20% áp dụng đối với các cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực A... Thuế suất 20% được áp dụng trong 10 năm kể từ khi cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh."

Tại điểm 1, mục III, phần E Thông tư số 128/2003/TT-BTC nói trên quy định: "... được miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực A hoặc sử dụng nhiều lao động... Cơ sở kinh doanh được miễn thuế, giảm thuế thực hiện đồng thời nhiều hoạt động kinh doanh thì phải theo dõi, hạch toán riêng thu nhập của hoạt động kinh doanh được miễn thuế, giảm thuế. Trường hợp cơ sở kinh doanh không hạch toán riêng được thì thu nhập của hoạt động kinh doanh được miễn thuế, giảm thuế được xác định bằng (-) tổng thu nhập chịu thuế nhân (x) với tỷ lệ (%) giữa doanh thu của hoạt động kinh doanh được miễn thuế, giảm thuế và tổng doanh thu của cơ sở kinh doanh..."

Tại điểm 8 Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01/09/2004 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 128/2003/TT-BTC quy định: "Các cơ sở kinh doanh trong nước đã thành lập trước đây có điều kiện ưu đãi đầu tư theo các văn bản quy phạm pháp luật trước đây nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư thì được hưởng ưu đãi về thuế theo các điều kiện ưu đãi trước đây cho khoảng thời gian còn lại tính từ ngày 01/01/2004."

Căn cứ quy định trên, trường hợp Công ty kế toán kiểm toán tư vấn Việt Nam được thành lập năm 2001 với nhiệm hoạt động kinh doanh trong đó có dịch vụ tư vấn pháp luật, tư vấn đầu tư thì ngành nghề kinh doanh này thuộc diện được hưởng ưu đãi đầu tư như sau:

- áp dụng thuế suất thuế TNDN 20%; mức thuế suất này được áp dụng từ năm 2004 đến hết năm 2010 (áp dụng cho thời gian còn lại tính từ ngày 01/01/2004 đến hết năm 2010 là hết thời hạn 10 năm tính từ khi Công ty mới thành lập vào năm 2001).

- Trường hợp năm 2004 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế kể từ khi thành lập đến nay thì thu nhập chịu thuế của ngành nghề được hưởng ưu đãi được miễn thuế TNDN trong 2 năm (năm 2004, 2005) và giảm 50% so thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo (2006, 2007, 2008).

- Công ty phải theo dõi, hạch toán riêng thu nhập của hoạt động kinh doanh được miễn thuế, giảm thuế. Trường hợp Công ty không hạch toán riêng được thì thu nhập của hoạt động kinh doanh được miễn thuế, giảm thuế được xác định bằng $(=)$ tổng thu nhập chịu thuế nhân (x) với tỷ lệ (%) giữa doanh thu của hoạt động kinh doanh được miễn thuế, giảm thuế và tổng doanh thu của cơ sở kinh doanh.

2/ Về chi phí hợp lý, hợp lệ đối với các khoản chi trả cộng tác viên

Trường hợp Công ty ký Thỏa thuận với một số cộng tác viên để thực hiện dịch vụ tư vấn kế toán, kiểm toán thì thu nhập mà các cộng tác viên nhận được thuộc diện phải chịu thuế thu nhập cá nhân (TNCN). Công ty với tư cách là cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế nộp vào NSNN trước khi chi trả thu nhập cho các cộng tác viên:

- Trước ngày 01/7/2004 thu nhập mà các cộng tác viên nhận được thuộc loại thu nhập không thường xuyên, việc khấu trừ thuế đối với thu nhập này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2002/TT-BTC ngày 17/01/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 78/2001/NĐ-CP ngày 23/10/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.

- Từ ngày 01/7/2004 thu nhập mà các cộng tác viên nhận được thuộc loại thu nhập thường xuyên, việc khấu trừ thuế đối với thu nhập này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 81/2004/TT-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 147/2004/NĐ-CP ngày 23/7/2004 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.

Khoản chi trả các cộng tác viên phải đảm bảo các điều kiện sau đây thì được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN:

- Có Thỏa thuận với cộng tác viên tương tự như Hợp đồng lao động theo quy định của Luật lao động;

- Khi thanh toán tiền cho cộng tác viên, Công ty có lập Phiếu chi tiền theo quy định có lý nhận của các cộng tác viên và khoản chi này phải được hạch toán kế toán đầy đủ;

- Công ty phải thực hiện khấu trừ thuế TNCN theo hướng dẫn nêu trên.

Đối với khoản thuế TNCN mà Công ty khấu trừ từ thu nhập của các cộng tác viên để nộp vào NSNN:

Trường hợp khoản thu nhập của các cộng tác viên theo thỏa thuận đã bao gồm khoản thuế TNCN phải nộp thì Công ty được tính vào chi phí toàn bộ khoản tiền thanh toán cho các cộng tác viên.

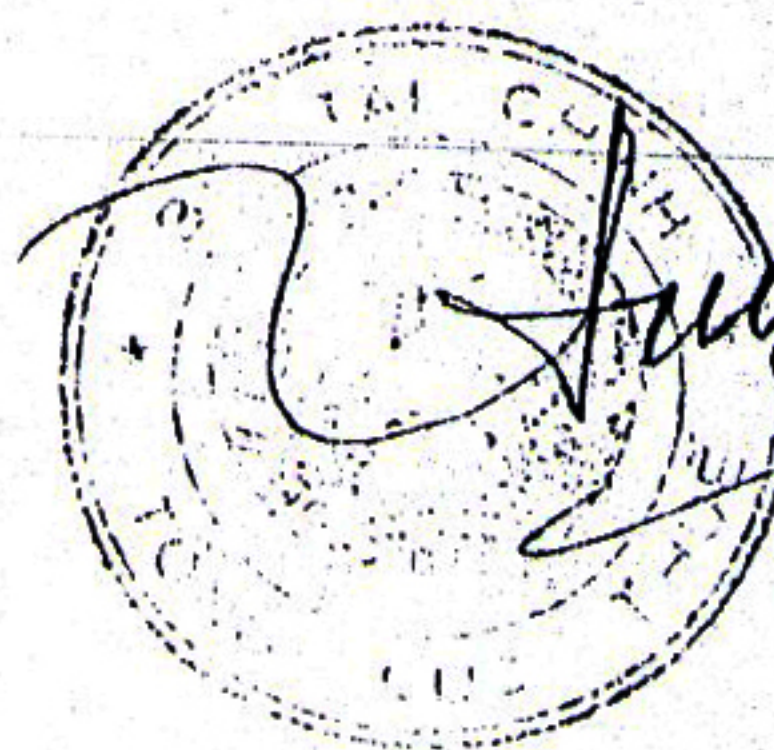
- Trường hợp khoản thu nhập của các cộng tác viên theo thỏa thuận là khoản thu nhập không có thuế TNCN và Công ty chịu trách nhiệm nộp thuế TNCN cho các cộng tác viên thì Công ty được tính vào chi phí khoản tiền trả cho các cộng tác viên và khoản thuế TNCN.

Tổng cục Thuế trả lời để Công ty kế toán kiểm toán tư vấn Việt Nam được biết và thực hiện. *T.M*

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu: VP (HC); DNK (2b)

KT/TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Phạm Văn Huyền